

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 11- ĐỒNG NAI
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 40/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 29-9-2025

“V/v: TrAh chấp Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 11- ĐỒNG NAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hảo

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hồ Viết Trung

Ông Nguyễn Hoàng HAh

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ah Đào - Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 11- Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 11- Đồng Nai Tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Thùy Vân - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 9 năm 2025, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân Khu vực 11- Đồng Nai mở phiên tòa công khai xét xử sơ thẩm vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 58/2025/HNGĐ-ST ngày 10-3-2025 về việc: “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 29/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 29-8-2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 25/2025/QĐST-DS ngày 14-9-2025, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Lê Thị H, sinh năm: 1996 (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn Tân H, xã Phú R, tỉnh Đồng Nai

Bị đơn: Ông Bùi Văn S, sinh năm: 1993 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn Tân H, xã Phú R, tỉnh Đồng Nai.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn Bà Lê Thị H trình bày:

- *Về qua hệ hôn nhân:* Bà Lê Thị H và Ông Bùi Văn S tự nguyện đi đến hôn nhân hợp pháp, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Bù N, huyện Bù Gia M, tỉnh Bình Phước (nay là xã Phú R, tỉnh Đồng Nai) vào ngày 03-4-2013. Trong quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc được thời giA đầu, đến tháng 11 năm 2024 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do giữa bà H và ông S

không hợp nhau, hay cãi vã nhau, ông S đi làm không phụ đưa tiền lo cho con cái, hay ghen tuông vô cớ và có đánh bà H. Bà H và ông S đã sống ly thân từ tháng 04/2025 cho đến nay, bà H xác định không còn tình cảm với ông S và không thể tiếp tục chung sống với ông S nữa và yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với Ông Bùi Văn S.

- *Về việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con chung*: Giữa bà H và ông S có 03 người con chung là cháu Bùi Lê Bảo T, sinh ngày 07-02-2013, Bùi Lê Bảo N, sinh ngày 19-12-2018 và Bùi Lê Bảo A, sinh ngày 08-12-2020. Khi ly hôn, bà H có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng các cháu T, N và A cho đến khi trưởng thành, đủ 18 tuổi. Bà H không yêu cầu ông S cấp dưỡng nuôi con chung.

- *Về tài sản chung và nợ chung*: Các bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*** Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn Ông Bùi Văn S trình bày:**

- *Về qua hệ hôn nhân*: Ông Bùi Văn S và Bà Lê Thị H tự nguyện đi đến hôn nhân hợp pháp, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Bù N, huyện Bù Gia M, tỉnh Bình Phước (nay là xã Phú R, tỉnh Đồng Nai) vào ngày 03-4-2013. Trong quá trình chung sống vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn, cãi vã, bất đồng qua điểm sống nhưng chưa đến mức phải ly hôn. Trước yêu cầu khởi kiện ly hôn của bà H thì ông S không đồng ý ly hôn, mong Tòa án xem xét để vợ chồng đoàn tụ gia đình để nuôi dạy các con trưởng thành, đủ 18 tuổi.

- *Về con chung và cấp dưỡng nuôi con chung*: Ông Bùi Văn S và Bà Lê Thị H có 03 người con chung tên Bùi Lê Bảo T, sinh ngày 07-02-2013, Bùi Lê Bảo N, sinh ngày 19-12-2018 và Bùi Lê Bảo A, sinh ngày 08-12-2020. Trường hợp giữa ông và bà H ly hôn bà thì ông S có nguyện vọng trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu A cho đến khi trưởng thành đủ 18 tuổi và đồng ý giao các con chung là cháu T và N cho bà H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi con chung trưởng thành, đủ 18 tuổi. Về cấp dưỡng nuôi con chung không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về tài sản chung, nợ chung*: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa: Nguyên đơn bà H vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và có đơn xin xét xử vắng mặt.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Khu vực 11- Đồng Nai tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm như sau:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Tòa án đã tiến hành đúng trình tự thủ tục theo quy định pháp luật.

Về nội dung vụ án: Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ các Điều 28, Điều 35, Điều 39; Điều 147, 227, 271, 273

BLTTDS; Điều 56, 57, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, bà H được ly hôn với ông S.

Về con chung: giao con chung cháu Bùi Lê Bảo T, sinh ngày 07-3-2013; cháu Bùi Lê Bảo N, sinh ngày 19-12-2018 cho Bà Lê Thị H trực tiếp nuôi dưỡng. Giao cháu Bùi Lê Bảo A, sinh ngày 08-12-2020 cho Ông Bùi Văn S trực tiếp nuôi dưỡng. Sau khi ly hôn các bên đương sự vẫn có quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định pháp luật. Bên không trực tiếp chăm có quyền đi lại, thăm nom, chăm sóc giáo dục con chung, không ai được quyền ngăn cản. Khi cần thiết vì lợi ích con chung các bên có quyền làm đơn xin thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: không yêu cầu giải quyết nên không đề cập.

Về án phí: Đề nghị Hội đồng xét xử tính theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thẩm quyền và thủ tục tố tụng:*

Đây là vụ án dân sự về việc “*Tranh chấp Ly hôn*”, bị đơn hiện cư trú tại Thôn Tân H, xã Phú R, tỉnh Đồng Nai. Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện R(nay là Tòa án nhân dân Khu vực 11- Đồng Nai).

[2] *Về thủ tục xét xử vắng mặt:* Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn Bà Lê Thị H vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn Ông Bùi Văn S vắng mặt không có lý do. Căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án vẫn tiến hành giải quyết vụ án theo thủ tục chung.

[3] *Về yêu cầu của nguyên đơn:*

- *Về qua hệ hôn nhân:* Trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn Bà Lê Thị H cho rằng, trong thời gia chung sống giữa nguyên đơn và bị đơn thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, đời sống chung vợ chồng không được hạnh phúc, bất đồng qua điểm sống, mục đích hôn nhân không đạt được và đã sống ly thân với nhau từ tháng 4/2025 cho đến nay. Xét thấy, bà H và ông S tự nguyện tìm hiểu, yêu thương, sống chung với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã

Bù N, huyện Bù Gia M, tỉnh Bình Phước (nay là xã Phú R, tỉnh Đồng Nai) vào ngày 03-4-2013 nên đây là hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập ông S đến tòa để làm việc, tham gia phiên hòa giải nhưng ông vẫn vắng mặt không có lý do nên không có lời khai được xem như ông từ bỏ quyền đoàn tụ gia đình. Tòa án tiến hành xác minh tại địa phương nơi ông bà sinh sống cũng thể hiện trong thời gian chung sống ông bà thường hay cãi vã nhau. Do vậy, Hội đồng xét xử xét thấy tình trạng vợ chồng giữa nguyên đơn và bị đơn đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn bà H là phù hợp.

- *Về việc nuôi con chung*: Giữa bà H và ông S có 03 người con chung là các Bùi Lê Bảo T, sinh ngày 07-02-2013, Bùi Lê Bảo N, sinh ngày 19-12-2018 và Bùi Lê Bảo A, sinh ngày 08-12-2020. Khi ly hôn bà H có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng các T, A và N cho đến khi trưởng thành, đủ 18 tuổi và hiện tại các cháu T, A và N đang do bà H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Tuy nhiên có xem xét nguyện vọng của các cháu. Tại Biên bản lấy lời khai ngày 25-8-2025 thì cháu Lê Bảo T có nguyện vọng được tiếp tục sống với bà H còn đối với các cháu A và N còn nhỏ và đang trực tiếp sống với bà H. Hơn nữa các cháu T, A và N là con gái, để đảm bảo cho sự phát triển toàn diện về thể chất tinh thần của các cháu. Căn cứ vào nguyện vọng của đương sự, cần chấp nhận tuyên giao con chung là các cháu Bùi Lê Bảo T, sinh ngày 07-02-2013, Bùi Lê Bảo N, sinh ngày 19-12-2018 và Bùi Lê Bảo A, sinh ngày 08-12-2020 cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi. Xét yêu cầu nuôi con của bà H là phù hợp nên cần ghi nhận.

- *Về cấp dưỡng nuôi con chung*: Bà H không yêu cầu ông S cấp dưỡng nuôi con chung, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- *Về tài sản chung và nợ chung*: Không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Qua điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 11- Đồng Nai tại phiên tòa là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Lê Thị H phải nộp theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; các Điều 218, 227, 228; 235, 266, 271, 273 Bộ luật tố tụng

dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 57, 80, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị Quyết số 326/UBTVQH 14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Bà Lê Thị H về việc “Tranh chấp Ly hôn”.

[1] *Về qua hệ hôn nhân:* Bà Lê Thị H được ly hôn với Ông Bùi Văn S.

Qua hệ hôn nhân giữa Bà Lê Thị H và Ông Bùi Văn S chấm dứt kể từ ngày bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

[2] *Về con chung và cấp dưỡng nuôi con:* Giao con chung là các cháu Bùi Lê Bảo T, sinh ngày 07-02-2013, Bùi Lê Bảo N, sinh ngày 19-12-2018 và Bùi Lê Bảo A, sinh ngày 08-12-2020 cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng đến khi trưởng thành, đủ 18 tuổi.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom; không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Bà H không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] *Về tài sản chung, nợ chung:* Bà H Không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] *Về Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm:* Bà Lê Thị H phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp trước đó theo biên lai thu tiền số 0011744, ngày 07-3-2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Riềng, tỉnh Bình Phước (nay là Phòng thi hành án dân sự Khu vực 11- Đồng Nai). Bà H đã nộp đủ án phí.

Nguyên đơn Bà Lê Thị H và bị đơn Ông Bùi Văn S vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai (1);
- Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 11- Đồng Nai (1);
- Thị hành án dân sự tỉnh Đồng Nai (1);
- Các đương sự (2);
- UBND xã Hàm Tân- Lâm Đồng (1);
- Lưu hồ sơ vụ án (4).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Hảo